

(Ban hành kèm Kế hoạch đào tạo các ngành Cao đẳng chính quy - Năm học 2025-2026 số 132/KHĐT-CDYT ngày 1 (tháng 7 năm 2025)

HỌC KỲ I																										TẾT		HỌC KỲ II																												NGHI HÈ																										
THÁNG		9				10				11				12				01/2026						2		3				4				5				6				7				8				9																																
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54																											
KHOA HỌC	NGÀY/LỚP	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7																											
		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6	13																											
NĂM 3 (Khóa học 2023 - 2026)	TUẦN SINH HOẠT CÔNG DÂN	23CD.DD.18A	1. Xác suất, Thống kê y học {2TC - LT} 2. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				3. CS NBCC & CSTC {2TC: 01LT- 01 TH (II)} 4. CSSK trẻ em {3TC: 02 LT - 01TH (II)} 5. CSSK PN, bà mẹ và gia đình {3TC: 02 LT - 01 TH (II)} 6. MH Tự chọn 2 Thực hành dựa trên bảng chứng {02TC: 1LT-1TH}				5. CS NBCC & CSTC {1TC-TTLS (III)} - 02 nhóm				7. LS CSSK TRẺ EM {2TC - TTLS (III)}				8. LS CSSK PN,BM&G Đ {2TC - TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Tự chọn 3 1.1. Điều dưỡng phòng mổ {01TC: 01 LT} 2. CSSK Tâm thần {1TC: LT} 3. CSNB Truyền nhiễm {1TC: LT} 4. CSSK Cộng đồng {1TC: LT}				2. CSSK tâm thần {1TC: TTLS (III)}				3. CS NB truyền nhiễm {1TC: TTLS (III)}				4. CSSK cộng đồng {1TC: TTLS (III)}				1.1. Tự chọn 3: LS Điều dưỡng phòng mổ {2TC: TTLS (III)}				5. Quản lý điều dưỡng {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 6. Tự chọn 3 1.2. Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao {02TC: 01 LT- 01 TH}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																			
		23CD.DD.18B	1. Xác suất, Thống kê y học {2TC - LT} 2. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				3. CS NBCC & CSTC {2TC: 01LT- 01 TH (II)} 4. CSSK trẻ em {3TC: 02 LT - 01TH (II)} 5. CSSK PN, bà mẹ và gia đình {3TC: 02 LT - 01 TH (II)} 6. MH Tự chọn 2 Thực hành dựa trên bảng chứng {02TC: 1LT-1TH}				7. LS CSSK TRẺ EM {2TC - TTLS (III)}				8. LS CSSK PN,BM&GD {2TC - TTLS (III)}				5. CS NBCC & CSTC {1TC - TTLS (III)} - 02 nhóm				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Tự chọn 3 1.1. Điều dưỡng phòng mổ {01TC: 01 LT} 2. CSSK Tâm thần {1TC: LT} 3. CSNB Truyền nhiễm {1TC: LT} 4. CSSK Cộng đồng {1TC: LT}				3. CS NB truyền nhiễm {1TC: TTLS (III)}				1.1. Tự chọn 3: LS Điều dưỡng phòng mổ {2TC: TTLS (III)}				4. CSSK cộng đồng {1TC: TTLS (III)}				2. CSS K tâm thần {1TC : TTLS (III)}				5. Quản lý điều dưỡng {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 6. Tự chọn 3 1.2. Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao {02TC: 01 LT- 01 TH}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																			
		23CD.DU.13A	1. Kinh tế dược {2TC: 01 LT - 01 TH (I)} 2. Kỹ năng giao tiếp-GDSK {2TC: LT} 3. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT}				4. Dược lâm sàng {2TC: LT} 5. Kiểm nghiệm {4TC: 02LT - 02 TH (II)}								4. Dược lâm sàng {3TC - TTLS (III)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 2. Dược cổ truyền {3TC: 02 LT - 01TH(II)}								3. Tự chọn 2 {SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)} 3.1. Marketing Dược {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.2. Dược mỹ phẩm {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.3. Thực phẩm chức năng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				4. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																															
		23CD.DU.13B	1. Kiểm nghiệm {4TC: 02LT - 02 TH (II)} 2. Dược lâm sàng {2TC: LT}				3. Kỹ năng giao tiếp-GDSK {2TC: LT} 4. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT}				2. Dược lâm sàng {3TC - TTLS (III)}				5. Kinh tế dược {2TC: 01 LT - 01 TH (I)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 2. Dược cổ truyền {3TC: 02 LT - 01TH(II)}								3. Tự chọn 2 {SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)} 3.1. Marketing Dược {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.2. Dược mỹ phẩm {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.3. Thực phẩm chức năng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				4. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																															
		23CD.DU.13C	1. Kiểm nghiệm {4TC: 02LT - 02 TH (II)} 2. Dược lâm sàng {2TC: LT}				3. Kỹ năng giao tiếp-GDSK {2TC: LT} 4. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT}				2. Dược lâm sàng {3TC - TTLS (III)}				5. Kinh tế dược {2TC: 01 LT - 01 TH (I)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 2. Dược cổ truyền {3TC: 02 LT - 01TH(II)}								3. Tự chọn 2 {SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)} 3.1. Marketing Dược {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.2. Dược mỹ phẩm {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.3. Thực phẩm chức năng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				4. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																															
23CD.DU.13D	1. Dược lâm sàng {2TC: LT} 2. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT} 3. Kinh tế dược {2TC: 01 LT - 01 TH (I)} 4. Kỹ năng giao tiếp-GDSK {2TC: LT}				1. Dược lâm sàng {3TC - TTLS (III)}				5. Kiểm nghiệm {4TC: 02LT - 02 TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				3. Tự chọn 2 {SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)} 3.1. Marketing Dược {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.2. Dược mỹ phẩm {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.3. Thực phẩm chức năng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				1. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 2. Dược cổ truyền {3TC: 02 LT - 01TH(II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				4. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																																					

Năm học 2025-2026						HỌC KỲ I																								TẾT		HỌC KỲ II																				NGHI HÈ																
THÁNG		9				10				11				12				01/2026						2				3				4					5				6				7				8				9															
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54													
KHOA HỌC	NGÀY/LỚP	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7													
		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6	13													
NĂM 3 (Khoa học 2022 - 2025)	23CB.DU.13E	1. Dược lâm sàng {2TC: LT} 2. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT} 3. Kinh tế dược {2TC: 01 LT - 01 TH (I)} 4. Kỹ năng giao tiếp-GDSK {2TC: LT}								2. Dược lâm sàng {3TC - TTLS (III)}				5. Kiểm nghiệm {4TC: 02LT - 02 TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		3. Tự chọn 2 {SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)} 3.1. Marketing Dược {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.2. Dược mỹ phẩm {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.3. Thực phẩm chức năng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}										1. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 2. Dược cổ truyền {3TC: 02 LT - 01TH(II)}										Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		4. THỰC TẬP CUỐI KHOA {4TC: TTLS (III)}																		
	23CB.HA.15	1. Chẩn đoán hình ảnh XQ {3TC: 02 LT - 01 TH (II)} 2. Kỹ thuật siêu âm {3TC: 01 LT - 02 TH (II)} 3. KT chụp CLĐT và CHTHN {1TC: LT} 4. KTXQ có dùng thuốc cản quang {1TC: LT}								3. KT chụp CLĐT và CHTHN {1TC - TTLS (III)}		4. KTXQ có dùng thuốc cản quang {2TC - TTLS (III)}		5. Tự chọn 2 Bệnh học chuyên khoa {2TC: LT}				6. THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 {4TC - TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT} 2. Thực hành nghiên cứu khoa học {2TC: 01LT - 01 TH (I)} 3. Tự chọn 3 3.1. Kỹ thuật cắt lớp vi tính trong các chuyên khoa {1TC: LT} 3.2. Kỹ thuật siêu âm trong các chuyên khoa {1TC: LT}										3.1. Kỹ thuật cắt lớp vi tính trong các chuyên khoa (TTLS) {2TC : THLS (III)}				3.2. Kỹ thuật siêu âm trong các chuyên khoa (TTLS) {1TC : THLS (III)}						4. THỰC TẬP LÂM SÀNG 3 {4TC: TTLS (III)} (SV TTLS bù lễ T7&CN cho những ngày nghỉ Lễ theo quy định)				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		5. THỰC TẬP CUỐI KHOA {4TC: TTLS (III)}														
	23CB.XN.15	1. Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm {2TC: 01 LT - 01 TH (II)} 2. Hóa sinh 2 {4TC: 02LT - 02 TH(II)} 3. Huyết học truyền máu {2TC: 01 LT - 01 TH (II)}								4. Ký sinh trùng 2 {2TC: 01 LT - 01 TH (II)} 5. Hóa sinh 3 {3TC: 01 LT - 02 TH (II)} 6. Vi sinh 3 {3TC: 01 LT - 02 TH (II)} 7. Ký sinh trùng 3 {2TC: 01 LT - 01 TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT} 2. Thực hành nghiên cứu khoa học {2TC: 01LT - 01 TH (I)} 3. Tự chọn 3 3.1. Độ đặc chất lâm sàng {2TC: 01LT - 01 TH (II)} 3.2. Hoá sinh 4 {3TC: 02LT - 01 TH (II)}										4. THỰC HÀNH XÉT NGHIỆM 2 {4TC: TTLS (III)}						Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		5. THỰC TẬP CUỐI KHOA {4TC: TTLS (III)}																										
	23CB.HS.11	1. Chăm sóc sau đẻ {2TC: 02LT} 2. Chăm sóc sơ sinh {2TC: 01LT - 01 TH (II)} 3. Quản lý hộ sinh {2TC: 02 LT}				4. CS trong phẫu thuật Sản Phụ khoa {2TC: 02 LT} 5. Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ {01TC: 01 LT} 6.Tự chọn 2 Sức khoẻ môi trường và vệ sinh {(2TC: LT)}				1. Chăm sóc sau đẻ {1TC-TTLS (III)}		2. Chăm sóc SK sơ sinh TN và SĐ {1TC-TTLS (III)}		5. BL liên quan đến TN và SĐ {1TC-TTLS (III)}		6. LS CS trong phẫu thuật sản phụ khoa {2TC - TTLS (III)}		Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Xác suất, Thống kê y học {2TC: 02 LT} 2.Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3. Dân số-Kế hoạch hóa gia đình-PT an toàn {3TC: 02 LT - 01TH (II)}										4. Tự chọn 3 4. 1. CSSK Sinh sản vị thành niên {02 TC: 01 LT - 01 TH (II)} 4.2. PCSSK phụ nữ tuổi mãn kinh {01 TC: LT}						3. DS-KHH GD-PTAN {01TC : TTLS (III)}		4. Tự chọn 3: CSSK phụ nữ tuổi mãn kinh {1TC: TTLS (III)}		Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		5. THỰC TẬP CUỐI KHOA {4TC: TTLS (III)}																						
	23CB.PHR.6	1. KT Phục hình cố định 2: mão, cầu kim loại {3TC: 01LT - 02TH(II)} 2. Xác suất, Thống kê y học {2TC: 02 LT} 3. KT Phục hình mão sứ, kim loại {3TC: 01LT - 02TH(II)} 4. KT phục hình cầu sứ, kim loại {3TC: 01LT - 02TH (II)}								5. PHỐI HỢP LÂM SÀNG 2 {3TC: 03 TTLS (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1.Tự chọn 1.1. Implant và kỹ thuật trên implant {3TC: 01 LT - 02TH (II)} 2. Thực hành NCKH {2TC: 01LT - 01TH (I)} 1.2. Công nghệ CAD/CAM nha khoa {2TC: 01 LT - 01TH (II)}										3. PHỐI HỢP LÂM SÀNG 3 {3TC: 03 TTLS (II)}						4. KT chỉnh hình răng-mặt {3TC: 01LT - 02TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		5. THỰC TẬP CUỐI KHOA {4TC: TTLS (II)}																						
23CB.PHCN.6	1. BL&VLTL hệ tim mạch-hô hấp {3TC: 01LT - 02TH (II)} 2. BL&VLTL hệ cơ-xương {4TC: 02LT - 02TH (II)}								3. BL&VLTL hệ thần kinh-cơ {4TC: 02LT - 02TH (II)} 4. BL&VLTL hệ da-tiêu hóa-sinh dục-nội tiết {2TC: 01LT - 01TH (II)}								5. THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 {4TC: 04 TTLS (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT} 2 Thực hành NCKH {2TC: 01LT & 01 TH (I)}										3. THỰC TẬP LÂM SÀNG 3 {4TC: 04 TTLS (III)}						4. Tự chọn 3 4.1. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng {2TC: LT} 4.2. Y học cổ truyền và dưỡng sinh {2TC: 01LT & 01 TH (II)}				3.1. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (TTLS) {1TC: TTLS}		Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		5. THỰC TẬP CUỐI KHOA {4TC: TTLS (III)}													
NĂM 2 (Khoa học 2024 - 2027)	24CB.DD.19A	1.Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 2. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 3. Pháp luật {2TC : LT}										4. Dược lý {3TC: 02LT - 01TH (I)} 5. Sinh lý bệnh -MD {2TC: LT} 6. Dinh dưỡng-Tiết chế {2TC: LT}										Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} (Tiếp theo)										2. CSNB Nội khoa {4TC: 03 LT - 01 TH (II)} 3. CSNB Ngoại khoa {4TC: 03 LT - 01 TH (II)}						4. LS CSNB NỘI KHOA {3TC: 03 TTLS (II)}				5. LS CSNB NGOẠI KHOA {3TC: 03 TTLS (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																

[illegible]

[illegible]

Năm học 2025-2026		HỌC KỲ I																							TẾT		HỌC KỲ II																															NGHỈ HÈ									
THÁNG		9				10				11				12					01/2026							2		3				4					5				6				7					8					9												
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54												
KHOÁ HỌC	NGÀY/LỚP	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7												
		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6	13												
NĂM 1 (Khóa học 2025 - 2028)	25CD.PHR.8			1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: LT} 2. Y đức {2TC: LT}				3. Pháp luật {2TC: LT} 4. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} *GDTC (02TC: TH)				5. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 6. Tiếng Anh I {3TC: 02LT - 01TH (I)}							Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT}		GDQP&AN		1. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT} (Tiếp theo)		3. Giải phẫu đầu mắt {02TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)}		5. Giải phẫu răng {04TC: 02LT - 02TH (II)} 6. Sinh cơ học phục hình răng {2TC: LT} 7. Mô phôi và sinh học miệng {2TC: LT}						Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																										
	25CD.PHCN.8			1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: LT} 2. Y đức {2TC: LT}				3. Pháp luật {2TC: LT} 4. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} *GDTC (02TC: TH)				5. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 6. Tiếng Anh I {3TC: 02LT - 01TH (I)}							Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		TẾT NGUYÊN ĐÁN		1. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT}		GDQP&AN		1. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT} (Tiếp theo)		3. Điều dưỡng cơ sở {02TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Cấp cứu ban đầu {02TC: 01LT - 01TH (II)}		5. Hóa sinh {02TC: 01LT - 01TH (II)} 6. Vi sinh - Ký sinh trùng {02TC: 01LT - 01TH (II)} 7. Dược lý {03TC: 02LT - 01TH (I)} 8. Tự chọn I: Hoá học { 2TC: LT}						Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																										

a) TH (I):	Lớp học thực hành bài tập tại lớp học (01 Tín chỉ = 30 giờ chuẩn)
b) TH (II):	Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập (01 Tín chỉ = 30 giờ chuẩn)
c) TH (III):	Lớp học thực hành nghề nghiệp tại các đơn vị lâm sàng (01 Tín chỉ = 45 giờ chuẩn)
d) LT:	Lớp học lý thuyết tại lớp học (01 Tín chỉ = 15 giờ chuẩn)
e) *:	Môn học điều kiện

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ KHÁNH HÒA

Trần Ngọc Thành

(Ban hành kèm Kế hoạch đào tạo các ngành Cao đẳng chính quy - Năm học 2025-2026 số 132/KHĐT-CDYT ngày 15 tháng 07 năm 2025)

Năm học 2025-2026						HỌC KỲ I																							TẾT		HỌC KỲ II																				NGHI HÈ																														
THÁNG						9				10				11				12					01/2026						2		3				4					5				6				7				8																													
TUẦN						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53																							
KHOẢ HỌC	NGÀY/LỚP					1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	32	39	46	53																																	
						7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6																							
NĂM 3 (Khoa học 2023 - 2026)	23CD.DD.18A	1. Xác suất, Thống kê y học {2TC - LT} 2. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				3. CS NBCC & CSTC {2TC: 01LT- 01 TH (II)} 4. CSSK trẻ em {3TC: 02 LT - 01TH (II)} 5. CSSK PN, bà mẹ và gia đình {3TC: 02 LT - 01 TH (II)} 6. MH Tự chọn 2 Thực hành dựa trên bằng chứng {02TC: 1LT-1TH}				5. CS NBCC & CSTC {1TC-TTLS (III)} - 02 nhóm				7. LS CSSK TRẺ EM {2TC - TTLS (III)}				8. LS CSSK PN,BM&G Đ {2TC - TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Tự chọn 3 1.1. Điều dưỡng phòng mổ {01TC: 01 LT} 2. CSSK Tâm thần {1TC: LT} 3. CSNB Truyền nhiễm {1TC: LT} 4. CSSK Cộng đồng {1TC: LT}				2. CSSK tâm thần {1TC: TTLS (III)}				3. CS NB truyền n nhiệ m {1TC : TTLS (III)}				4. CSSK cộng đồng {1TC: TTLS (III)}				1.1. Tự chọn 3: LS Điều dưỡng phòng mổ {2TC: TTLS (III)}				5. Quản lý điều dưỡng {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 6. Tự chọn 3 1.2. Chăm sóc sức khoẻ trẻ em nâng cao {02TC: 01 LT- 01 TH}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																			
	23CD.DD.18B	1. Xác suất, Thống kê y học {2TC - LT} 2. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				3. CS NBCC & CSTC {2TC: 01LT- 01 TH (II)} 4. CSSK trẻ em {3TC: 02 LT - 01TH (II)} 5. CSSK PN, bà mẹ và gia đình {3TC: 02 LT - 01 TH (II)} 6. MH Tự chọn 2 Thực hành dựa trên bằng chứng {02TC: 1LT-1TH}				7. LS CSSK TRẺ EM {2TC - TTLS (III)}				8. LS CSSK PN,BM&GD {2TC - TTLS (III)}				5. CS NBCC & CSTC {1TC - TTLS (III)} - 02 nhóm				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Tự chọn 3 1.1. Điều dưỡng phòng mổ {01TC: 01 LT} 2. CSSK Tâm thần {1TC: LT} 3. CSNB Truyền nhiễm {1TC: LT} 4. CSSK Cộng đồng {1TC: LT}				3. CS NB truyền nhiễm {1TC: TTLS (III)}				1.1. Tự chọn 3: LS Điều dưỡng phòng mổ {2TC: TTLS (III)}				4. CSSK cộng đồng {1TC: TTLS (III)}				2. CSS K tâm thần {1TC : TTLS (III)}				5. Quản lý điều dưỡng {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 6. Tự chọn 3 1.2. Chăm sóc sức khoẻ trẻ em nâng cao {02TC: 01 LT- 01 TH}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																			
	23CD.DU.13A	1. Kinh tế được {2TC: 01 LT - 01 TH (I)} 2. Kỹ năng giao tiếp-GDSK {2TC: LT} 3. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT}				4. Dược lâm sàng {2TC: LT} 5. Kiểm nghiệm {4TC: 02LT - 02 TH (II)}								4. Dược lâm sàng {3TC - TTLS (III)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 2. Dược cổ truyền {3TC: 02 LT - 01TH(II)}								3. Tự chọn 2 {SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)} 3.1. Marketing Dược {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.2. Dược mỹ phẩm {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.3. Thực phẩm chức năng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				4. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																															
	23CD.DU.13B	1. Kiểm nghiệm {4TC: 02LT - 02 TH (II)} 2. Dược lâm sàng {2TC: LT}				3. Kỹ năng giao tiếp-GDSK {2TC: LT} 4. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT}				2. Dược lâm sàng {3TC - TTLS (III)}				5. Kinh tế được {2TC: 01 LT - 01 TH (I)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 2. Dược cổ truyền {3TC: 02 LT - 01TH(II)}				3. Tự chọn 2 {SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)} 3.1. Marketing Dược {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.2. Dược mỹ phẩm {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.3. Thực phẩm chức năng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				4. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																																							
	23CD.DU.13C	1. Kiểm nghiệm {4TC: 02LT - 02 TH (II)} 2. Dược lâm sàng {2TC: LT}				3. Kỹ năng giao tiếp-GDSK {2TC: LT} 4. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT}				2. Dược lâm sàng {3TC - TTLS (III)}				5. Kinh tế được {2TC: 01 LT - 01 TH (I)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				3. Tự chọn 2 {SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)} 3.1. Marketing Dược {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.2. Dược mỹ phẩm {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.3. Thực phẩm chức năng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				1. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 2. Dược cổ truyền {3TC: 02 LT - 01TH(II)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				4. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																																							
	23CD.DU.13D	1. Dược lâm sàng {2TC: LT} 2. Xác suất, Thống kê y học {2TC: LT} 3. Kinh tế được {2TC: 01 LT - 01 TH (I)} 4. Kỹ năng giao tiếp-GDSK {2TC: LT}				1. Dược lâm sàng {3TC - TTLS (III)}				5. Kiểm nghiệm {4TC: 02LT - 02 TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				3. Tự chọn 2 {SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)} 3.1. Marketing Dược {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.2. Dược mỹ phẩm {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3.3. Thực phẩm chức năng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				1. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 2. Dược cổ truyền {3TC: 02 LT - 01TH(II)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				4. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																																											

Năm học 2025-2026		HỌC KỲ I																							TẾT		HỌC KỲ II																			NGHỈ HÈ									
THÁNG		9				10				11				12					01/2026						2	3				4					5				6			7					8								
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	
KHOẢ HỌC	NGÀY/LỚP	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12	19	26	27	3	10	17	24	31
		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6
NĂM 2 (Khóa học 2024 - 2027)	24CD.DD.19B	TUẦN SINH HOẠT CÔNG DẪN	1. Dược lý {3TC: 02LT - 01TH (I)} 2. Sinh lý bệnh -MD {2TC: LT} 3. Dinh dưỡng-Tiết chế {2TC: LT}								4.Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 5. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 6. Pháp luật {2TC: LT}									Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2	TẾT NGUYỄN ĐÁN	1. CSNB Nội khoa {4TC: 03 LT - 01 TH (II)}	GDQP&AN	1.CSNB Nội khoa {4TC: 03 LT - 01 TH (II)} (Tiếp theo)	2. LS CSNB NỘI KHOA {3TC: 03 TTLS (II)}				3. CSNB Ngoại khoa {4TC: 03 LT - 01 TH (II)} 4. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}				5. LS CSNB NGOẠI KHOA {3TC: 03 TTLS (II)}					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2															
	24CD.DD.19C		1.Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 2. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 3. Pháp luật {2TC: LT}								4. Dược lý {3TC: 02LT - 01TH (I)} 5. Sinh lý bệnh -MD {2TC: LT} 6. Dinh dưỡng-Tiết chế {2TC: LT}									Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}	GDQP&AN	1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} (Tiếp theo)	2. CSNB Nội khoa {4TC: 03 LT - 01 TH (II)} 3. CSNB Ngoại khoa {4TC: 03 LT - 01 TH (II)}				4. LS CSNB NGOẠI KHOA [3TC: 03 TTLS (II)]				5. LS CSNB NỘI KHOA {3TC: 03 TTLS (II)}					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2															
	24CD.DU.14A		1. Bệnh học {3TC: 03 LT} 2. Dược lý {5TC: 03LT - 02TH (II)}								3. Hóa Phân tích {3TC: 02LT - 01TH (II)} 4. Dược liệu {5TC: 03LT - 02TH (II)}									Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Tổ chức quản lý được {2TC: 02 LT}	GDQP&AN	2. Hóa dược {3TC: 02LT - 01TH (II)}				3. Bảo chế {5TC: 03LT - 02TH (II)} 4. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}				5. Tự chọn 1 Dinh dưỡng - Tiết chế {02 TC: LT} 6. Quản lý tồn trữ thuốc {02TC: 01LT - 01TH (I)}					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																
	24CD.DU.14B		1. Bệnh học {3TC: 03 LT} 2. Dược lý {5TC: 03LT - 02TH (II)}								3. Hóa Phân tích {3TC: 02LT - 01TH (II)} 4. Dược liệu {5TC: 03LT - 02TH (II)}									Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Tổ chức quản lý được {2TC: 02 LT}	GDQP&AN	2. Hóa dược {3TC: 02LT - 01TH (II)}				3. Bảo chế {5TC: 03LT - 02TH (II)} 4. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}				5. Tự chọn 1 Dinh dưỡng - Tiết chế {02 TC: LT} 6. Quản lý tồn trữ thuốc {02TC: 01LT - 01TH (I)}					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																
	24CD.DU.14C		1. Hóa Phân tích {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Dược liệu {5TC: 03LT - 02TH (II)}								3. Bệnh học {3TC: 03 LT} 4. Dược lý {5TC: 03LT - 02TH (II)}									Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}	GDQP&AN	1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} (Tiếp theo)	1. Bảo chế {5TC: 03LT - 02TH (II)} 2. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}				3. Tự chọn 1 Dinh dưỡng -Tiết chế {02 TC: LT} 4. Quản lý tồn trữ thuốc {02TC: 01LT - 01TH (I)}				5. Hóa dược {3TC: 02LT - 01TH (II)} 6. Tổ chức quản lý được {2TC: 02 LT}					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2															
	24CD.DU.14D		1. Hóa Phân tích {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Dược liệu {5TC: 03LT - 02TH (II)}								3. Bệnh học {3TC: 03 LT} 4. Dược lý {5TC: 03LT - 02TH (II)}									Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}	GDQP&AN	1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} (Tiếp theo)	1. Bảo chế {5TC: 03LT - 02TH (II)} 2. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}				3. Tự chọn 1 Dinh dưỡng-Tiết chế {02 TC: LT} 4. Quản lý tồn trữ thuốc {02TC: 01LT - 01TH (I)}				5. Hóa dược {3TC: 02LT - 01TH (II)} 6. Tổ chức quản lý được {2TC: 02 LT}					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2															
24CD.HA.16	1. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 2.Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)}								3. Vật lý tia X-Điện kỹ thuật {3TC: 02LT - 01TH (II)} 4. Kỹ thuật phòng tối {3TC: 01LT - 01TH (II)}				5. Giải phẫu Xquang {3TC: 02LT - 01TH (II)}					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2	1. Pháp luật {2TC: LT}	GDQP&AN	2. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 3. KT X-quang không dùng thuốc cân quang 1 {3TC: 01LT - 02TH (II)}				4. KT X-quang không dùng thuốc cân quang 2 {3TC: 01LT - 02TH (II)} 5. KT X-quang không dùng thuốc cân quang 3 {2TC: 01LT - 01TH (II)}				6. THỰC TẬP LÂM SÀNG 1 {(4TC: TTLS (III))}					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																			

Năm học 2025-2026		HỌC KỲ I																							TẾT		HỌC KỲ II																							NGHỈ HÈ													
THÁNG		9				10				11				12				01/2026						2	3				4					5				6				7				8					9												
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53									
KHOÁ HỌC	NGÀY/LỚP	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30	31	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31								
		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6									
NĂM 2 (Khóa học 2024 - 2027)	24CD.XN.16	TUẦN SINH HOẠT CÔNG DẪN	1. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 2.Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)}							3. Giải phẫu bệnh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Vi sinh 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Ký sinh trùng 1 {3TC: 02LT - 01TH (II)} 6. Hóa sinh 1 {3TC: 02LT - 01TH (II)}										Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2						TẾT NGUYÊN ĐÁN	1. Pháp luật {2TC: LT}	GDQP&AN			2. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 3. Vi sinh 2 {3TC: 01LT - 02TH (I)}					4. Huyết học tế bào {4TC: 02LT - 02TH (II)} 5. Huyết học đông máu {2TC: 01LT - 01TH (II)}					6. THỰC HÀNH XÉT NGHIỆM 1 {(4TC: TTLS (III))}			Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2													
	24CD.HS.12		1. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 2.Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)}							3. Điều dưỡng Nội khoa {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Điều dưỡng Ngoại khoa {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Dược lý {3TC: 02LT - 01TH (I)}							4. ĐD Nội khoa {1TC: TTLS (III)}		5. ĐD Ngoại khoa {1TC: TTLS (III)}					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2						1. Pháp luật {2TC: LT}	GDQP&AN			2. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 3. CSSK Phụ nữ {2TC: 01LT - 01TH (II)}					4. CS Thai nghén {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. CS Chuyên dạ & đẻ thường {2TC: 01LT - 01TH (II)} 6. CS Chuyên dạ & đẻ khó {2TC: 01LT - 01TH (II)}					7. LS CSSK PHỤ NỮ & THAI NGHÉN {2TC: TTLS (III)}		8. LS CS CHUYỂN N DẠ ĐỀ THƯỜNG G-ĐỀ KHÓ {2TC: TTLS (III)}		Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2									
	24CD.PHR.7		1. Cẩn khớp học {2TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Dấu (khuôn) & mẫu trong KTPHR {2TC: 01LT - 01TH (II)}				3. Vật liệu Nha khoa {2TC: LT} 4. Ghi và tái lập các tương quan {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Tạo mẫu & KT sắp {2TC: 01LT - 01TH (II)}					6. Tạo mẫu & KT nhựa {2TC: 01LT - 01TH (II)} 7. Vật liệu PHR {2TC: 01LT - 01TH (II)} 8. KSNK trong chuyên ngành RHM {2TC: 01LT - 01TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2							1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}	GDQP&AN			1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}	2. KTPH cố định 1: răng chốt, cùi giả, inlay-onlay {3TC: 01LT - 02TH (II)}			3. KTPH tháo lắp 1: toàn phần {3TC: 01LT - 02TH (II)} 4. Trang thiết bị quản lý lab nha khoa {2TC: 01LT - 01TH (II)}			5. KTPH tháo lắp 2: từng phần {2TC: 01LT - 01TH (II)}			6. PHỐI HỢP LÂM SÀNG 1 {3TC: TTLS (III)}			Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2													
	24CD.PHCN.7		1. VL đại cương và Lý sinh {2TC: LT} 2. Quản lý và Tổ chức Y tế {2TC: LT}			3. Bệnh học {3TC: LT} 4. GP chức năng hệ vận động & thần kinh {4TC: 02LT - 02TH (II)} 5. Quá trình phát triển con người {2TC: 01LT - 01TH (II)}					6. Lượng giá chức năng vận động {4TC: 01LT - 03TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2						1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}		GDQP&AN			1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} (Tiếp theo)	2. Các phương pháp điều trị VLTL {3TC: 01LT - 02TH (II)}			3. QL khoa/phòng VLTL {2TC: LT} 4. Vận động trị liệu {4TC: 01LT - 03TH (II)} 5. Tự chọn 2 Dinh dưỡng - Tiết chế {2TC: LT}					6. THỰC TẬP LÂM SÀNG 1 {3TC: TTLS (III)}			Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2															
NĂM 1 (Khóa học 2025 - 2028)	25CD.ĐD.20A	TUẦN SINH HOẠT CÔNG DẪN ĐỢT	* GDTC {2TC: TH (II)} 1. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT} 3. Giao tiếp và TH điều dưỡng {2TC: 01LT - 01TH (II)}							4. Sinh học và Di truyền {2TC: LT} 5. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: LT} 6. Y đức {2TC: LT} 7. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 8. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)}										Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2						TẾT NGUYÊN ĐÁN	1. Kiểm soát nhiễm khuẩn {2TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)}					3. Tự chọn 1 Vật lý đại cương - Lý sinh {2TC: LT} 4. Điều dưỡng cơ sở 2 [04TC: 02LT - 02TH (II)] 5. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)}					6. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (I)}				7. LS ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ {2TC: TTLS (III)}		Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2														
	25CD.ĐD.20B		* GDTC {2TC: TH (II)} 1. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT} 3. Giao tiếp và TH điều dưỡng {2TC: 01LT - 01TH (II)}							4. Sinh học và Di truyền {2TC: LT} 5. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: LT} 6. Y đức {2TC: LT} 7. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 8. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)}										Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Kiểm soát nhiễm khuẩn {2TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)}					3. Tự chọn 1 Vật lý đại cương - Lý sinh {2TC: LT} 4. Điều dưỡng cơ sở 2 [04TC: 02LT - 02TH (II)] 5. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)}					6. LS ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ {2TC: TTLS (III)}		7. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (I)}			Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																		
	25CD.ĐD.20C		1. Y đức {2TC: LT} 2. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 3. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Sinh học và Di truyền {2TC: LT} 5. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: LT}					* GDTC {2TC: TH (II)} 6. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 7. Sinh lý {2TC: LT} 8. Giao tiếp và TH điều dưỡng {2TC: 01LT - 01TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Kiểm soát nhiễm khuẩn {2TC: 01LT - 01TH (II)}					3. Điều dưỡng cơ sở 2 [04TC: 02LT - 02TH (II)] 4. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)}					5. LS ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ {2TC: TTLS (III)}		6. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (I)} 7. Tự chọn 1 Vật lý đại cương - Lý sinh {2TC: LT}			Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH			Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																						

Năm học 2025-2026		HỌC KỲ I																							TẾT		HỌC KỲ II																					NGHỈ HÈ						5	
THÁNG		9				10				11				12					01/2026					2			3				4					5				6				7				8							
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53
KHOÁ HỌC	NGÀY/LỚP	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30		6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31
		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5		12	19	26 (10/3ĂL)	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6
NĂM 1 (Khóa học 2025 - 2028)	25CD.PHR.8			1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: LT} 2. Y đức {2TC: LT}				3. Pháp luật {2TC: LT} 4. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} *GDTC (02TC: TH)				5. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 6. Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)}						Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2			1. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT}				GDQP&AN		1. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT} (Tiếp theo)		3. Giải phẫu đầu mặt {02TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)}				5. Giải phẫu răng {04TC: 02LT - 02TH (II)} 6. Sinh cơ học phục hình răng {2TC: LT} 7. Mô phôi và sinh học miệng {2TC: LT}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2														
	25CD.PHCN.8			1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: LT} 2. Y đức {2TC: LT}				3. Pháp luật {2TC: LT} 4. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} *GDTC (02TC: TH)				5. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 6. Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)}						Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2			1. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT}				GDQP&AN		1. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: LT} (Tiếp theo)		3. Điều dưỡng cơ sở {02TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Cấp cứu ban đầu {02TC: 01LT - 01TH (II)}				5. Hóa sinh {02TC: 01LT - 01TH (II)} 6. Vi sinh - Ký sinh trùng {02TC: 01LT - 01TH (II)} 7. Dược lý {03TC: 02LT - 01TH (I)} 8. Tự chọn 1: Hoá học { 2TC: LT}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2														

Ghi chú:	Nghỉ tết (Tết Nguyên Đán)	Nghỉ lễ (Các ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước)	Công tác tổ chức Thi và chấm Thi Kết thúc môn học	Công tác tổ chức Thi và chấm Thi Lần 2	Thực tập lâm sàng (Tại các đơn vị lâm sàng)	Thực tập cuối khóa (Tại các đơn vị lâm sàng - Các lớp Năm 3)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (Các lớp Năm 2 và Năm 1)	Xét tốt nghiệp (Các lớp Năm cuối)
----------	---------------------------	---	---	--	---	--	---	-----------------------------------

- a) TH (I):
Lớp học thực hành bài tập tại lớp học (01 Tín chỉ = 30 giờ chuẩn)
- b) TH (II):
Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập (01 Tín chỉ = 30 giờ chuẩn)
- c) TH (III):
Lớp học thực hành nghề nghiệp tại các đơn vị lâm sàng (01 Tín chỉ = 45 giờ chuẩn)
- d) LT:
Lớp học lý thuyết tại lớp học (01 Tín chỉ = 15 giờ chuẩn)
- e) *:
Môn học điều kiện

Lịch học từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (Học 03 ca/ngày)		
Ca	Thời gian	Ghi chú
Sáng	Từ 07h30 đến 11h30	- Đã tính giờ giải lao (15 phút sau 02 tiết hoặc 03 tiết dạy học) - Lý thuyết 05 tiết/ca sáng hoặc ca chiều - Thực hành tại Trường 04 tiết/ca sáng hoặc ca chiều - Thực hành tại Cơ sở Y tế 05 tiết/ca sáng; 04 tiết/ca chiều - Lý thuyết 04 tiết/ca tối - Thực hành tại Trường 03 tiết/ca tối
Chiều	Từ 13h30 đến 17h30	
Tối	Từ 17h30 đến 20h45	